

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2024

"Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Chuyên, bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà T - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Vũ Thị T1** - sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **Vũ Văn H** - sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*Chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị T1 trình bày:** Chị và anh Vũ Văn H, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 18/3/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không có tiếng nói chung, mặt khác anh H còn chơi bời không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 6/2024, chị không chung sống cùng anh H, chị đi thuê nhà ra chỗ khác ở, sau khi chị bỏ đi anh H có đến tìm chị nhưng xét thấy vợ chồng có về chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị quyết định không về, hai bên gia đình không gặp nhau lần nào, trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn và vợ chồng sống chính thức sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 19/4/2009, cháu Vũ Nam C, sinh ngày 18/02/2012 và cháu Vũ Đồng L, sinh ngày 20/10/2023. Cháu N và cháu C đang ở với bố, cháu L đang ở với mẹ. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng cháu L, giao cho anh H nuôi dưỡng cháu N và cháu C, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị đang nuôi cháu L mới trên một tuổi, chị chưa đi lao động được. Chị cam kết đảm bảo điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng cháu L. Anh H đang làm công ty thu nhập từ 07 đến 08 triệu đồng/tháng nên anh H đảm bảo việc nuôi dưỡng hai con, cháu N và cháu C đều có nguyện vọng ở với anh H. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng cháu L, anh H nuôi dưỡng cháu N và cháu C. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình làm việc với Tòa án, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Vũ Văn H trình bày:** Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị T1. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì bắt đầu mâu thuẫn nhưng chỉ mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng vẫn nói chuyện với nhau, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chị T1 không hợp với bố mẹ anh nên anh có bảo anh là vợ chồng ra ở riêng. Chị T1 đã bỏ đi thuê nhà chỗ khác còn anh vẫn ở nhà cùng với bố mẹ, vợ chồng vẫn gặp nhau thường xuyên. Nay chị T1 xin ly hôn anh không đồng ý vì anh xác định tình cảm giữa anh và chị T1 vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T1 có 03 con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 19/4/2009, cháu Vũ Nam C, sinh ngày 18/02/2012 và cháu Vũ Đồng L, sinh ngày 20/10/2023. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người thân gia đình chị T1 là anh Nguyễn Văn T2 xác định: Anh là anh ruột của chị T1, bố mẹ anh đã ly hôn, khi ly hôn anh và chị T1 ở cùng với mẹ, hiện mẹ anh đang điều trị tại Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần tại thành phố C, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị T1 và anh H sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Tháng 9/2024 thì chị T1 không chung sống cùng anh H nữa và đi thuê nhà chỗ khác ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T1 xin ly hôn anh H, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T1. Về con chung anh H, chị T1 có 03 con chung, cháu N và cháu C đang ở với bố, cháu L đang ở với mẹ. Việc nuôi dưỡng con chung anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H, chị T1 và cháu N, cháu C. Nếu Tòa án giao cháu L cho chị T1 nuôi dưỡng, vợ chồng anh sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị T1 về vật chất, chỗ ăn, chỗ ở và giúp chị T1 việc chăm sóc con với điều kiện tốt nhất. Quá trình chung sống chị T1, anh H không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với bố mẹ anh.

Lời khai của người thân anh H bà Phạm Thị B xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Vũ Văn H và là bà nội của cháu Vũ Đức N, Vũ Nam C và cháu Vũ Đồng L. Trong thời gian chung sống anh H, chị T1 có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, chị T1 không có mâu thuẫn gì với bà. Tháng 7/2024 chị T1 bỏ đi

thuê nhà tại thị trấn T ở và vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay, anh H vẫn đến gặp khuyên chị T1 về nhưng chị T1 không về. Chị T1 xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, nếu chị T1 kiên quyết xin ly hôn anh H thì đành phải chịu. Anh H, chị T1 có 03 con chung. Cháu N, cháu C đang ở với bố, cháu L đang ở với mẹ. Việc nuôi dưỡng con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh H, chị T1. Quá trình chung sống anh H, chị T1 không có tài sản, nợ chung, công sức đóng góp với ông bà. Anh H vẫn ở cùng với ông bà, nếu anh H nuôi dưỡng cháu N, cháu C ông bà có thể giúp anh H việc chăm sóc các con anh H.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã T trình bày: Anh H, chị T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Trong thời gian chung sống anh H, chị T1 có xảy ra mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn của anh H, chị T1 cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn chị T1, anh H không mời địa phương và các đoàn thể hòa giải. Nay chị T1 xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về với nhau, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của cháu Vũ Đức N và cháu Vũ Nam C trình bày: Cháu N và cháu C đều có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Vũ Thị T1 được ly hôn anh Vũ Văn H.

*Về con chung:* Giao cháu Vũ Đồng L, sinh ngày 20/10/2023 cho chị T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Vũ Đức N, sinh ngày 19/4/2009, cháu Vũ Nam C, sinh ngày 18/02/2012 cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị T1, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T1, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Chị Vũ Thị T1 và anh Vũ Văn H, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Vũ Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Chị Vũ Thị T1 là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn H là bị đơn; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị T1 nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh H vắng mặt không có lý do, chị T1 có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T1 và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 18/3/2008. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị T1, anh H, lời trình bày của người thân hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống chị T1, anh H sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị T1 đã bỏ nhà đi thuê chỗ khác ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2024 không còn quan tâm đến nhau. Chị T1 xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh H. Anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn. Anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải. Khi Tòa án báo gọi hoà giải và khi xét xử anh H không chấp hành theo giấy báo của Tòa án, chứng tỏ anh H không có thiện trí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên anh không hợp tác với Tòa án. Nhận thấy hôn nhân giữa chị T1, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T1 được ly hôn anh H. Vì vậy xử cho chị Vũ Thị T1 được ly hôn Vũ Văn H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T1, anh H có 03 con chung là cháu Vũ Đức N, sinh ngày 19/4/2009, cháu Vũ Nam C, sinh ngày 18/02/2012 và cháu Vũ Đồng L, sinh ngày 20/10/2023. Cháu N và cháu C đang ở với anh H, cháu L đang ở với chị T1, cháu N, cháu C có nguyện vọng ở với bố. Ly hôn chị T1 đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng cháu L, giao cho anh H nuôi dưỡng cháu N và cháu C, chị T1 đang nuôi con trên một tuổi nên thu nhập chưa cao. Anh H làm công ty thu nhập từ 7 đến 8 triệu đồng/tháng. Xét nguyện vọng của chị T1 và cháu N, cháu C thấy rằng: Chị T1 đang nuôi con trên một tuổi. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu N và cháu C do anh H nuôi dưỡng, anh H vẫn đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng hai con, anh H làm công ty thu nhập ổn định, cháu N và cháu C có nguyện vọng ở với bố nên xác định anh H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu N và cháu C. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của cháu N, cháu C, cháu L, Hội đồng xét xử cần giao cháu L cho chị T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu N, cháu C cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T1, anh

H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Vũ Thị T1 và anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị T1 khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị T1 được ly hôn anh Vũ Văn H.

2- *Về con chung*: Xử giao cháu Vũ Đồng L, sinh ngày 20/10/2023 cho chị Vũ Thị T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Vũ Đức N, sinh ngày 19/4/2009 và cháu Vũ Nam C, sinh ngày 18/02/2012 cho anh Vũ Văn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị T1, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T1, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/23, Số: 0001776 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị T1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện;  
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- (CNKH số 36; ngày 18/3/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đào Quang Khuyển**

